

Chương 2

TIÊU DÙNG, ĐẦU TƯ VÀ SẢN LƯỢNG QUỐC GIA

Các thành phần cơ bản của tổng cầu gồm tiêu dùng của dân chúng (C), đầu tư của các hãng (I), chi tiêu của chính phủ (G), và xuất khẩu ròng (NX). Chương này thực hiện việc xem xét riêng ảnh hưởng của tiêu dùng và đầu tư (làm cơ sở cho việc xem xét ảnh hưởng của chi tiêu của chính phủ -G, và xuất khẩu ròng – NX tới sản lượng quốc gia).

2.1. TIÊU DÙNG, TIẾT KIỆM VÀ THU NHẬP

2.1.1. Tiêu dùng và hàm số tiêu dùng.

a- Những khái niệm cơ bản:

- **Thu nhập:**

- Thu nhập cá nhân: là toàn bộ số tiền hay tài sản mà một cá nhân nhận được qua các giao dịch kinh tế. Thu nhập cá nhân gồm: Tiền công, Tiền cho thuê đất, thuê vốn, Lợi nhuận, Cổ tức, ... Khi thu nhập đạt đến một qui mô nào đó thì người dân phải đóng thuế thu nhập (T_d).
- Thu nhập của nền kinh tế (Y): chính là sản lượng quốc gia (hay GDP) trong một thời kỳ nhất định (một năm chẳng hạn).
- Thu nhập được quyền sử dụng (Thu nhập khả dụng): là thu nhập của nền kinh tế sau khi trừ đi thuế thu nhập. Đó là khoản thu nhập dân chúng **được quyền chi tiêu**.

$$Y_D (\text{thu nhập được quyền sử dụng}) = Y - T_d$$

- **Tiêu dùng:**

- Tiêu dùng cá nhân là hành vi trong đó cá nhân hay dân cư sử dụng phần thu nhập được quyền sử dụng vào việc mua các hàng hoá và dịch vụ để thoả mãn các nhu cầu cá nhân.
- Tiêu dùng quốc dân: là tổng mức chi cho tiêu dùng của toàn bộ dân cư trong một thời gian nhất định (và tại một mức sản lượng nhất định của nền kinh tế).

Theo Maslow, khi thu nhập thấp, tiêu dùng cho các hàng thiết yếu chiếm phần lớn tổng chi tiêu; khi thu nhập tăng lên, trong cơ cấu chi tiêu, tỷ trọng hàng cao cấp (xa xỉ) sẽ ngày càng tăng lên.

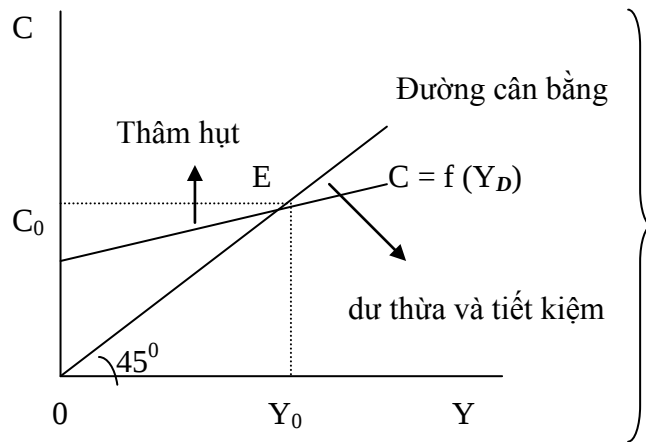
b- Hàm số tiêu dùng $C = f(Y)$ hoặc $C = f(Y_D)$

- Định nghĩa: hàm số tiêu dùng là khái niệm phản ánh quan hệ phụ thuộc giữa chi tiêu cho tiêu dùng của dân cư vào thu nhập (hoặc thu nhập được quyền sử dụng).

Theo quan hệ này, khi Y (hoặc Y_D) tăng, tiêu dùng sẽ tăng, (mặc dù sự tăng lên về mức tiêu dùng đối với các loại hàng hoá là khác nhau).

Có thể viết: $C = f(Y)$ hoặc $C = f(Y_D)$

Dạng tổng quát của hàm tiêu dùng thể hiện như sơ đồ sau:



Hàm số tiêu dùng $C = f(Y_D)$

Tại E: $Y_0 = C_0$;

Với $Y < Y_0$: $C > Y$

(thâm hụt)

Với $Y > Y_0$: $C < Y$

(có thặng dư và tiết kiệm)

• Các nhân tố của hàm tiêu dùng:

- Xu hướng tiêu dùng biên (MPC hoặc C_m).

Định nghĩa: MPC là đại lượng cho biết mức tăng thêm của chi tiêu cho tiêu dùng khi thu nhập tăng thêm một đơn vị. Có nghĩa là MPC biểu thị mức độ phụ thuộc của chi tiêu vào thu nhập.

MPC giải thích: khi tăng thu nhập lên 1 đơn vị thì phần dành cho tiêu dùng là bao nhiêu (phần còn lại là để dành hay **tiết kiệm – S**).

Ví dụ: Khi thu nhập tăng 100 ($\Delta Y_D = 100$), phần tăng thêm của chi tiêu C (ΔC) = 70 $\Rightarrow$ MPC = $\Delta C / \Delta Y_D = 70 / 100 = 0,7$

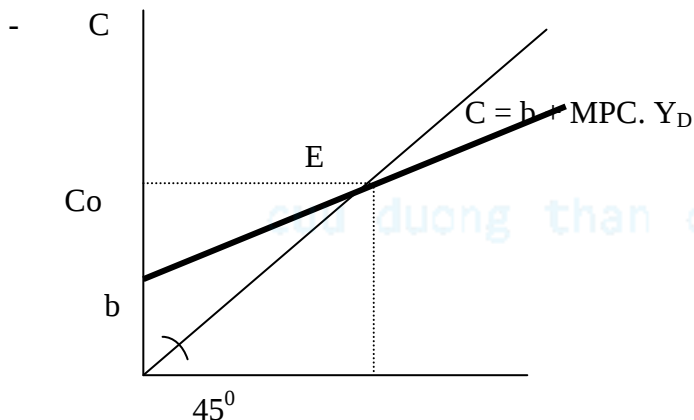
Nguyên tắc MPC ≤ 1

Khi đã biết MPC thì hàm tiêu dùng được viết là $C = MPC \cdot Y$ hoặc $C = MPC \cdot Y_D$

- Tiêu dùng tự định (tiêu dùng dự kiến hay tiêu dùng tối thiểu) - ký hiệu b.

Định nghĩa: Tiêu dùng tự định là khoản chi tiêu không phụ thuộc vào thu nhập, tức là tồn tại ngay cả khi thu nhập bằng 0.

Khi biết tiêu dùng tự định là b, hàm tiêu dùng đầy đủ có dạng: $C = b + MPC \cdot Y_D$



Hàm tiêu dùng:

$C = b + MPC \cdot Y$

Tại điểm cân bằng

E: $Y_0 = C_0$;

Độ dốc của đồ thị phụ thuộc vào MPC

• Sự dịch chuyển hàm số tiêu dùng:

- Khi có những thay đổi của các yếu tố dưới đây, hàm tiêu dùng sẽ dịch chuyển:

- Thu nhập của nền kinh tế (Y);

- Thu nhập hiện tại và tình trạng tích lũy tài sản;

- Chính sách của chính phủ (thuế thu nhập, trợ cấp, chính sách tiền tệ ...);
- Dự kiến của dân cư về tình hình kinh tế tương lai;
- Sự thuận lợi về tín dụng tiêu dùng.

c- Tiết kiệm và Hàm số tiết kiệm (S)

Từ hàm tiêu dùng suy ra hàm số tiết kiệm: $S = -b + MPS \times Y_D$

2.1.2. Đầu tư (I)

a- Khái niệm về đầu tư.

- Định nghĩa: Đầu tư là hành vi chi tiêu của các hãng vào việc mua sắm các hàng thiết bị và phương tiện sản xuất làm tăng các tài sản sản xuất của hãng.

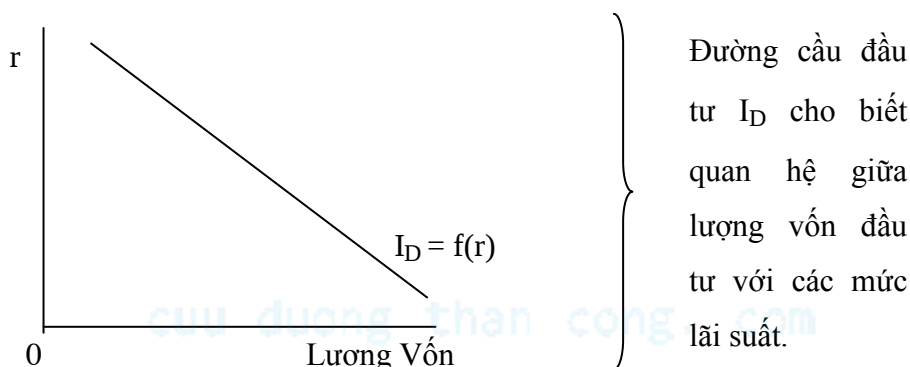
Đầu tư theo quan điểm kinh tế vĩ mô khác với đầu tư trong kinh tế vi mô. Ở đây, nội dung của các khoản đầu tư gồm: mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển, nhà xưởng, dụng cụ đo lường, hàng tồn kho (bán thành phẩm để chuẩn bị cho kỳ sản xuất sau).

- Vai trò của đầu tư:
- Trong ngắn hạn: Đầu tư là một nhân tố làm tăng tổng cầu AD và do đó làm kích thích tăng sản lượng quốc gia vì $AD = C + I + G$
- Trong dài hạn: đầu tư làm mở rộng năng lực sản xuất của các hãng do đó làm mở rộng khả năng sản xuất của nền kinh tế, do đó làm tăng tổng cung AS và sản lượng tiềm năng, nghĩa là quyết định sản lượng nền kinh tế trong tương lai.

b- Các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư.

- Lãi suất của thị trường tiền tệ (r):

Lãi suất là giá cả của tiền do vậy sẽ cấu thành nên chi phí của các khoản đầu tư và ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư. Nếu lãi suất giảm thì tăng đầu tư, lãi suất cao thì đầu tư sẽ giảm. Do vậy hàm của đầu tư đối với lãi suất $I = f(r)$ là một hàm nghịch biến.



Điều này có nghĩa là nếu ngân hàng Trung ương tăng cung tiền M_s , lãi suất giảm sẽ kích thích đầu tư, ngược lại, nếu muốn giảm đầu tư thì Ngân hàng trung ương giảm M_s .

- Lợi nhuận:

Lợi nhuận cao là yếu tố kích thích đầu tư do mục đích của đầu tư là lợi nhuận. Khi đánh giá vai trò của lợi nhuận đối với đầu tư, nhà đầu tư thường thông qua tỷ suất thu hồi vốn.

- Cơ hội đầu tư:

Là những yếu tố thuận lợi đặt cơ sở cho một quyết định đầu tư có lợi cho hãng. Người ta xác định cơ hội đầu tư thông qua việc phân tích môi trường kinh doanh (toàn bộ các điều kiện bên trong và bên ngoài liên quan tới hoạt động kinh doanh của hãng và của ngành) đánh giá các yếu tố thuận lợi, trở ngại để đưa ra quyết định đầu tư.

Có hai nhóm: Môi trường vĩ mô, gồm các yếu tố như thể chế chính trị và pháp luật, điều kiện tự nhiên, dân số, văn hoá - xã hội, kinh tế; Môi trường vi mô gồm: điều kiện nội tại (tài chính, nhân sự, công nghệ, marketing...) và điều kiện thị trường của ngành mà doanh nghiệp hoạt động (đối thủ cạnh tranh, cung ứng, khách hàng).

- Sự mong đợi (kỳ vọng) ở tương lai:

Đầu tư là nhằm vào hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận trong tương lai. Vì vậy đánh giá của nhà đầu tư về tương lai là yếu tố quan trọng bậc nhất để đi đến quyết định đầu tư.

Những phán đoán quan trọng nhất về tương lai là: xu hướng chính sách của chính phủ, công nghệ mới, tình hình cạnh tranh trong tương lai, cầu về hàng hoá và dịch vụ (khách hàng), tình trạng cung ứng (nguyên liệu và công nghệ mới, trình độ lao động, ...). Điều này cho thấy các quyết định đầu tư thường mang tính mạo hiểm và đòi hỏi khả năng phân tích và quyết đoán của nhà đầu tư.

- Thu nhập (sản lượng quốc gia): đầu tư sẽ làm tăng sản lượng quốc gia trong tương lai, nhưng thu nhập hay sản lượng quốc gia hiện tại lại là nhân tố quyết định và kích thích đầu tư.

Quan hệ giữa thu nhập và đầu tư cũng là quan hệ hàm số: $I = f(Y)$

Khi thu nhập tăng thêm một đơn vị, đầu tư I cũng có thể tăng thêm một đại lượng xác định gọi là xu hướng đầu tư biên (MPI hoặc I_m). Khi đó, $I = I(y) = I_m \times Y$

Kết hợp với hàm của đầu tư theo lãi suất, ta có $I = f(i, Y)$

Lại giả định có một khoản đầu tư là tự định, ta có hàm đầu tư mở rộng: $I = I_0 + I(y) + I(i)$

Trong đó, I_0 là đầu tư tự định, $I(y)$ là hàm của đầu tư theo Y và $I(i)$ là hàm của đầu tư theo lãi suất

2.3. XÁC ĐỊNH SẢN LƯỢNG QUỐC GIA

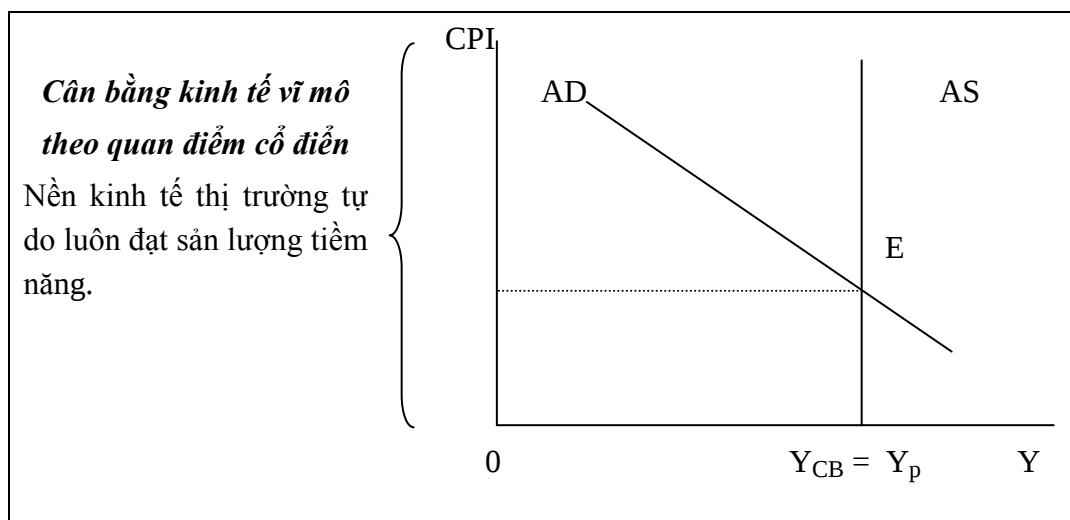
2.3.1. Quan điểm cổ điển và của Keynes về xác định sản lượng quốc gia

a. Quan điểm cổ điển:

- Giả định cơ bản:
 - Nền kinh tế thị trường hoàn toàn tự do, tức là chính phủ can thiệp ít nhất vào nền kinh tế;
 - Các yếu tố thị trường như: tiền công, giá cả là hoàn toàn linh hoạt và có thể thay đổi một cách nhanh chóng do hoạt động của cung và cầu.
- Hệ quả kinh tế vĩ mô
 - Tổng cầu: là tổng chi tiêu xã hội vào các hàng hoá và dịch vụ do đó phụ thuộc vào mức giá chung của nền kinh tế. Đường AD có dạng bình thường.
 - Tổng cung:

Khi giá cả và tiền công linh hoạt và có thể thay đổi một cách đồng đều thì chi phí đầu vào cũng như thu nhập của doanh nghiệp không phụ thuộc vào sự biến động giá cả, các doanh nghiệp sẽ luôn hoạt động ở mức sản lượng tối đa hoá lợi nhuận, nền kinh tế sẽ luôn hoạt động ở mức sản lượng tiềm năng, đường AS thẳng đứng tại mức sản lượng tiềm năng.

- Cân bằng kinh tế vĩ mô:



• Kết luận:

- Nền kinh tế thị trường tự do là nền kinh tế luôn đạt hiệu quả vì đạt sản lượng tiềm năng.
- Những thay đổi của AD chỉ làm thay đổi mức giá mà không làm tăng sản lượng thực tế.
- Do vậy các chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ chỉ nhằm vào sự thay đổi giá cả không có tác dụng kích thích tăng sản lượng.

b. Quan điểm của Keynes (Mô hình suy thoái Keynes)

• Giả định cơ bản:

Theo J.M. Keynes, nền kinh tế thị trường không giống như phái cổ điển quan niệm. Đặc điểm của nó là:

- Cầu có hiệu quả: cầu của xã hội là cầu có khả năng thanh toán; khi nền kinh tế chưa đạt mức sản lượng tiềm năng, chi tiêu xã hội có tác dụng kích thích các doanh nghiệp tăng sản lượng.
- Giá cả và tiền công cứng nhắc (không linh hoạt) vì lý do: tiền công của công nhân được xác định trong các hợp đồng lao động do công đoàn đã ký với chủ thường ổn định trong một thời gian, thường là ba năm; Giá cả do các Công ty lớn xây dựng thường chậm thay đổi; mặt khác giá cả cũng nằm trong các hợp đồng với người cung ứng và người bán hàng, thậm chí một số mặt hàng giá cả do chính phủ qui định.

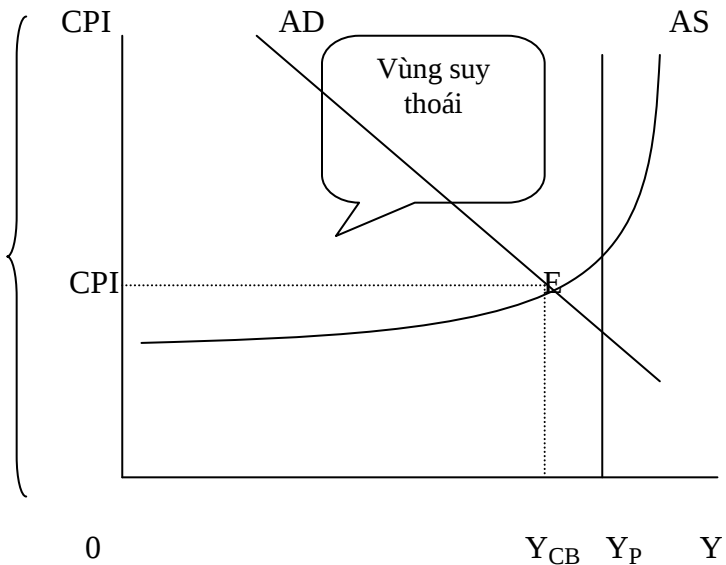
• Hệ quả kinh tế vĩ mô:

- Tổng cầu AD hay tổng chi tiêu xã hội là yếu tố nhạy cảm (dễ biến đổi) nhưng có dạng bình thường.
- Tổng cung AS: do giá cả tương đối ổn định cho nên trong ngắn hạn khi các doanh nghiệp tăng sản lượng không cần tăng chi phí bình quân và đường AS tương đối nằm ngang; còn trong dài hạn, AS bị hạn chế bởi sản lượng tiềm năng cho nên đường AS thẳng đứng.

- Cân bằng kinh tế vĩ mô:

Mô hình suy thoái của Keynes

Tại E, nền kinh tế ở trong vùng suy thoái, các nguồn lực chưa sử dụng hết, $GNP \text{ thực tế} < GNP \text{ tiềm năng}$.



- Kết luận của Keynes:

- Một nền kinh tế hiện đại có thể hoạt động ở vùng suy thoái, thất nghiệp và lãng phí tài nguyên có thể là một tình trạng kéo dài mà nền kinh tế không có một cơ chế tự động để tự thoát khỏi.
- Bằng cách kiểm soát và kích thích chi tiêu xã hội, chính phủ có thể đưa nền kinh tế từ tình trạng kém hiệu quả, đạt tới mức sản lượng tiềm năng.

(Quan điểm của Keynes cổ vũ các chính sách kinh tế của chính phủ, chính sách của chính phủ tác động nền kinh tế qua việc kích thích tổng cầu để đạt được sản lượng tiềm năng)

3.2.2. Xác định sản lượng quốc gia qua tiêu dùng và đầu tư.

a. Những giả định cơ bản.

- Cầu của xã hội là cầu có hiệu quả.
- Nền kinh tế chưa đạt mức sản lượng tiềm năng, tức là các doanh nghiệp có thể tăng sản lượng mà không làm tăng giá.
- Nền kinh tế khép kín tức là chưa có khu vực nước ngoài, chưa có hoạt động chính phủ.
- Ban đầu, chỉ có dân cư chi tiêu theo hàm tiêu dùng $C = C_0 = b + MPC \cdot Y_0$.
- Vậy khi các hãng đầu tư một khoản cố định I thì sản lượng quốc gia hay GDP thay đổi như thế nào.

b. Xác định sản lượng quốc gia.

- Lập luận:

Ban đầu, khi chỉ có dân cư chi tiêu, Tổng cầu = $AD_0 = C_0 = b + MPC \cdot Y_0$;

Gọi sản lượng cân bằng ban đầu là Y_0 , ta có: $Y_0 = AD_0 = b + MPC \cdot Y_0$

Khi có đầu tư I , tổng cầu sẽ tăng (từ AD_0 lên $AD_1 \Rightarrow AD_1 = C + I$) và kích thích tăng sản lượng cân bằng.

Gọi sản lượng cân bằng mới là Y_1 , ta có: $Y_1 = AD_1 = b + MPC \cdot Y_1 + I$

Ta có $\Delta Y = Y_1 - Y_0$ trong đó ΔY là mức tăng của sản lượng cân bằng. Mức tăng này có thể tính như sau:

$$\Delta Y = Y_1 - Y_0 = (b + MPC \cdot Y_1 + I) - (b + MPC \cdot Y_0) = MPC \cdot Y_1 - MPC \cdot Y_0 + I$$

$$\Rightarrow Y_1 - Y_0 = MPC \cdot (Y_1 - Y_0) + I \Rightarrow (Y_1 - Y_0) - MPC \cdot (Y_1 - Y_0) = I$$

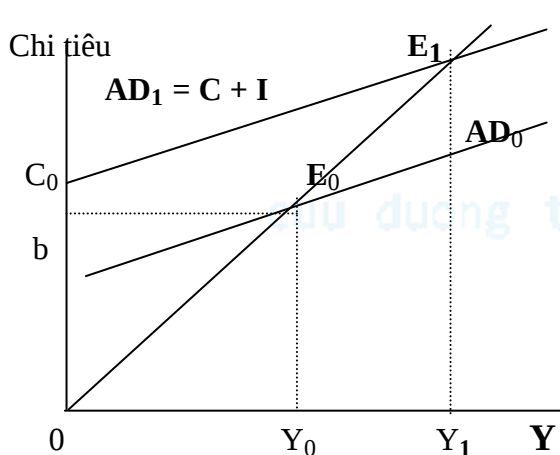
$$\Rightarrow \Delta Y \cdot (1 - MPC) = I. \text{ Do đó:}$$

$$\Delta Y = I \cdot \frac{1}{1 - MPC}$$

Trong biểu thức trên, I là khoản **đầu tư mới** và là **mức tăng lên của tổng cầu**, ΔY là **mức tăng của sản lượng cân bằng do tác động của đầu tư**. Mức sản lượng cân bằng mới sẽ là:

$$Y_1 = Y_0 + \Delta Y$$

• **Sơ đồ:**



Xác định sản lượng qua tiêu dùng và đầu tư.

E_0 là cân bằng ban đầu của nền kinh tế với sản lượng Y_0 . Đầu tư I làm AD_0 tăng lên AD_1 , nền kinh tế chuyển đến E_1 . Sản lượng cân bằng tăng lên và bằng Y_1

Ví dụ: Một nền kinh tế tuân theo các giả định nói trên và đang hoạt động với dữ liệu sau:

- **Khi chỉ có dân chúng chi tiêu**, tổng cầu $AD_0 = C_0 = b + MPC \cdot Y_0$ $C = 80$ tỷ + $0,8Y$.

Gọi Y_0 là sản lượng cân bằng ban đầu của nền kinh tế. Ta có: $Y_0 = AD_0 = b + MPC \cdot Y_0$

Hay: $Y_0 = C = 80$ tỷ + $0,8Y$. Giải phương trình này ta được: $Y_0 = \frac{80}{0,2} = 400$ (tỷ USD)

- **Khi có khoản đầu tư** $I = 40$ tỷ USD (cố định), tổng cầu tăng lên AD_1 , sản lượng cân bằng mới là Y_1 :

$Y_1 = AD_1 = AS_1 = C + I = 80$ tỷ + $0,8Y + 40$. Giải phương trình này ta được:

$$Y_1 = \frac{40 + 80}{0,2} = 600 \text{ tỷ (USD)}$$

Vậy, nếu đầu tư làm cho AD tăng (ΔAD) = 40 tỷ, sản lượng tăng (ΔY) = 200 tỷ USD

c. Số nhân đầu tư (hay số nhân chi tiêu)

Từ ví dụ ở trên rút ra nhận xét: khi các hãng đầu tư làm cho AD tăng ($\Delta AD = 40$ tỷ USD) thì sản lượng quốc gia không phải tăng lên bằng đúng mức tăng của đầu tư (40 tỷ USD) mà là bội số của khoản chi tiêu đầu tư đó ($\Delta Y = 200$). Mối quan hệ giữa mức tăng chi tiêu hay đầu tư với mức tăng sản lượng quốc gia được thể hiện ở **số nhân đầu tư**.

- Định nghĩa:

Số nhân đầu tư hay số nhân chi tiêu là đại lượng cho biết một mức tăng của chi tiêu hay đầu tư sẽ làm tăng lên như thế nào đối với sản lượng quốc gia.

$$\text{Mức tăng chi tiêu hay đầu tư} \times \text{Số nhân} = \text{Mức tăng sản lượng}$$

$$\Delta AD (\Delta I, \Delta C) \times \text{Số nhân} = \Delta Y$$

- Tìm số nhân:

$$m = \frac{1}{1 - MPC} = \frac{1}{MPS}$$

3.2.3. Xác định sản lượng quốc gia qua tiết kiệm và đầu tư.

- Từ hàm tiêu dùng có thể suy ra hàm tiết kiệm;
- Nền kinh tế sẽ cân bằng khi $S = I$. Giải phương trình hoặc dựng đồ thị $S = I$ ta xác định được sản lượng quốc gia.

3.2.4. Nền kinh tế hướng đến sự cân bằng như thế nào.

Khi các hãng tăng đầu tư quá mức thì $Y (AS)$ sẽ tăng vượt quá AD , giá cả hàng hoá giảm, hàng tồn kho của các hãng tăng quá mức dự kiến, các hãng phải cắt giảm sản lượng. Ngược lại, khi các hãng đầu tư quá thấp, sản lượng $Y (AS)$ thấp và nhỏ hơn AD , giá cả sẽ tăng, dự trữ hàng tồn kho của các hãng giảm, các hãng phải tăng đầu tư và tăng sản lượng. Cứ như thế, nền kinh tế có xu hướng ổn định ở mức sản lượng $AS = AD$. Điều này cũng có nghĩa là trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế thì giá cả đóng vai trò tín hiệu điều chỉnh sự tăng giảm sản lượng của các hãng và sự cân bằng của nền kinh tế là một xu hướng cần đạt tới (chứ không phải là một trạng thái đương nhiên).